

Số: *1261*/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *21* tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình
đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Thái Bình là đô thị loại II trực thuộc tỉnh; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Văn bản số 1238/BXD-QHKT ngày 28/5/2018 của Bộ Xây dựng về đồ án Quy hoạch chung thành phố Thái Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 670-TB/TU ngày 16/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy định phân cấp Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 28/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình đến năm 2030; Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày



22/09/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch chung thành phố Thái Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo tiêu chí đô thị loại I;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 85/BC-SXD ngày 25/4/2022, Văn bản số 1383/SXD-QHKT ngày 21/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch:

a) Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính thành phố Thái Bình gồm 19 đơn vị hành chính hiện tại và 10 xã dự kiến mở rộng địa giới hành chính theo định hướng quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021- 2030; ranh giới cụ thể:

- Phía Đông giáp huyện Kiến Xương;
- Phía Tây và Nam giáp huyện Vũ Thư;
- Phía Bắc giáp huyện Đông Hưng.

b) Tổng diện tích lập quy hoạch: Khoảng 6.827,43ha.

3. Quan điểm, mục tiêu đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050:

a) Quan điểm: Đảm bảo tuân thủ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 25/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng phát triển thành phố Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; cụ thể:

- Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị thành phố Thái Bình có tính khoa học, thực tiễn và có tầm nhìn dài hạn.

- Phát triển đô thị với dịch vụ hiện đại và công nghiệp sạch có giá trị gia tăng cao.

- Phát triển đô thị theo hướng cảnh quan trong lành, thông minh, hiện đại, an toàn, chất lượng sống ngày càng được nâng cao.

b) Mục tiêu đến năm 2035:

- Xây dựng thành phố Thái Bình trở thành đô thị loại I, nằm trong các nhóm đô thị phát triển khá của vùng đồng bằng Sông Hồng; phát triển toàn diện, là một

trong những trung tâm kinh tế - xã hội quan trọng của khu vực, là đầu mối giao thương, trung tâm dịch vụ, y tế, giáo dục đào tạo của vùng Đồng bằng sông Hồng;

- Phát triển đô thị trở thành đô thị xanh, đô thị cảnh quan, văn minh, hiện đại có bản sắc riêng;

- Phát triển kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ hiện đại, kết nối thuận lợi; là đầu tàu kinh tế, là trung tâm thương mại, dịch vụ của Tỉnh có sức hút và lan tỏa cao;

c) Tầm nhìn đến năm 2050: Xây dựng phát triển đô thị cảnh quan, thông minh, hiện đại; là một trong những đô thị phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước. Quan tâm chú trọng phát triển không gian cây xanh, mặt nước, tạo môi trường sống trong lành; ứng dụng rộng rãi công nghệ số trong quản lý đô thị; các dịch vụ tiện ích đô thị được bố trí đồng bộ hiện đại, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

4. Tính chất đô thị:

- Là đô thị Tỉnh lỵ (loại I trực thuộc tỉnh) có vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật... của tỉnh; có vị trí quan trọng về an ninh và quốc phòng.

- Là một trong những đầu mối giao thông kết nối vùng Thủ đô Hà Nội với vùng Duyên hải Bắc Bộ;

- Là đô thị trung tâm của tiểu vùng phía Đông Nam vùng Đồng bằng sông Hồng, phát triển dịch vụ đa ngành với trọng tâm: Thương mại dịch vụ; y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; công nghiệp, nông nghiệp sạch; công nghệ cao; du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng...

- Là đô thị giàu bản sắc văn hóa, lịch sử kết hợp đô thị xanh, thông minh, hiện đại và phát triển bền vững.

5. Quy mô dân số:

- Đến năm 2025: Khoảng 370.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi);

- Đến năm 2035: Khoảng 570.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi và bao gồm dân số của 10 xã dự kiến sáp nhập).

Theo phương án Quy hoạch tỉnh đang trình Hội đồng thẩm định Quốc gia, đến năm 2030 quy hoạch mở rộng không gian thành phố Thái Bình thêm 10 xã; gồm: Tân Phong, Trung An (huyện Vũ Thư); Đông Dương (huyện Đông Hưng); Tây Sơn, An Bình, Quốc Tuấn, Bình Nguyên, Lê Lợi, Hồng Thái, Trà Giang (huyện Kiến Xương). Quy mô dân số đến năm 2050 đạt khoảng 700.000 người.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

6.1. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

STT	LOẠI ĐẤT	Ký hiệu	Quy hoạch đến năm 2025		Quy hoạch đến năm 2035	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ		4.723,55	69,18	6.066,41	88,85
I	Đất dân dụng		3.471,66	50,85	5.024,57	73,59
1	Đất đơn vị ở; bao gồm:		2.219,68	32,51	3.183,59	46,63
1.1	Đất đơn vị ở hiện hữu	ĐTC	687,72	10,07	687,72	10,07
1.2	Đất đơn vị ở mới	ĐTM	458,79	6,72	1422,7	20,84
1.3	Đất làng xóm đô thị hoá	ĐTH	1.073,17	15,72	1.073,17	15,72
2	Đất sử dụng hỗn hợp	HH	352,95	5,17	543,42	7,96
3	Đất dịch vụ công cộng; bao gồm:		56,34	16,57	70,80	20,82
3.1	Đất công trình công cộng	CCĐT	13,24	3,89	13,24	3,89
3.2	Đất giáo dục	GDDT	14,46	4,25	24,51	7,21
3.3	Đất y tế	YTĐT	22,66	6,66	22,66	6,66
3.4	Đất thương mại	CĐT	5,98	1,76	10,39	3,06
4	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	CQĐT	11,92	3,51	11,92	3,51
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CXCC	246,86	3,62	450,91	6,60
6	Đất giao thông đô thị	GTĐT	516,53	151,92	696,55	204,87
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	HTĐT	67,38	19,82	67,38	19,82
II	Đất ngoài dân dụng		1.251,89	18,34	1.041,84	15,26
1	Đất sản xuất công nghiệp	CN	332,51	97,80	103,32	30,39
2	Đất trung tâm đào tạo nghiên cứu	GD	40,12	11,80	40,12	11,80
3	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	CQ	20,75	6,10	20,75	6,10
4	Đất trung tâm y tế	YT	34,34	0,50	34,34	0,50
5	Đất trung tâm văn hoá, TDTT		45,30	13,32	64,44	18,95
5.1	Đất công trình văn hoá	VH	5,00	1,47	5,00	1,47
5.2	Đất thể dục thể thao	TDTT	40,30	11,85	59,44	17,48
6	Đất công trình công cộng	CC	48,07	14,14	48,07	14,14
7	Đất dịch vụ	TMDV	117,39	34,53	117,39	34,53
8	Đất du lịch	DL	13,73	4,04	13,73	4,04
9	Đất cây xanh chuyên dụng	CXCD	155,51	45,74	155,51	45,74
10	Đất di tích, tôn giáo	TG,TN	27,03	7,95	27,03	7,95
11	Đất điểm dân cư nông thôn	NTC	85,82	25,24	85,82	25,24
12	Đất an ninh, quốc phòng	AN	28,40	0,42	28,40	0,42
13	Đất giao thông đối ngoại	GT	231,88	3,40	231,88	3,40
14	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	71,04	1,04	71,04	1,04
B	ĐẤT KHÁC		2.103,88	30,82	761,02	11,15
1	Đất sản xuất nông nghiệp	NN	432,79	6,34	0	0,00
2	Đất dự trữ phát triển	DT	1.331,09	19,50	421,02	6,17
3	Mặt nước	MN	340	4,98	340	4,98
	Tổng cộng		6.827,43	100	6.827,43	100

6.2. Định hướng phát triển không gian đô thị:

6.2.1. Hướng phát triển đô thị:

Xây dựng phát triển thành phố Thái Bình theo mô hình 02 hạt nhân phát triển, gồm: Đất đô thị hiện hữu phía Nam sông Trà Lý và đất phát triển đô thị tại phía Bắc sông Trà Lý (phường Hoàng Diệu và xã Vũ Đông) kết hợp với các tuyến vành đai (tuyến tránh S1, đường vành đai phía Nam), các trục giao thông (các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và một số tuyến trục chính đô thị mới) kết nối hai cực phát triển để mở rộng không gian và phát triển đô thị theo định hướng lấy sông Trà Lý làm trục cảnh quan trung tâm thành phố.

6.2.2. Mô hình và cấu trúc đô thị:

- Cấu trúc đô thị của thành phố Thái Bình được hình thành với 02 cực phát triển hai bên sông Trà Lý đảm bảo phát triển đa cực, đa chức năng, linh hoạt, gắn kết giữa các khu chức năng theo hướng đô thị xanh, thông minh, hiện đại, phát triển bền vững.

- Hình thành khu vực phát triển đô thị phía Bắc sông Trà Lý, lấy sông Trà Lý làm trục cảnh quan trung tâm kết hợp phát triển các công trình dịch vụ - công cộng đô thị, khai thác hiệu quả quỹ đất và phát triển đồng bộ khu vực hai bên sông.

- Phát triển mở rộng khu vực trung tâm đô thị trên địa bàn 08 xã: Phú Xuân, Tân Bình, Đông Hòa, Đông Mỹ, Vũ Đông, Vũ Lạc, Vũ Chính và Vũ Phúc; kết hợp với việc đầu tư hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khu vực phát triển đô thị kết nối với hệ thống hạ tầng đô thị hiện hữu, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị bền vững.

- Xây dựng hệ thống giao thông đối ngoại kết nối liên vùng và giao thông đô thị kết nối các khu chức năng trong địa giới hành chính hiện tại cũng như kết nối với khu vực phát triển đô thị mới theo định hướng mở rộng địa giới hành chính về phía Đông Nam.

6.2.3. Phân khu chức năng (gồm 12 phân khu):

- Phân khu 1: Khu vực đô thị trung tâm hiện hữu - Hạt nhân phát triển chính trang nâng cao hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật,... với diện tích khoảng 565ha; là trung tâm kinh tế, văn hóa, dịch vụ thương mại của tỉnh và là trung tâm hành chính, chính trị kinh tế, văn hóa dịch vụ của Thành phố; khu vực trọng điểm đào tạo về y tế, văn hóa nghệ thuật và hệ thống quảng trường, cây xanh.

- Phân khu 2: Khu trung tâm đô thị mới - Hạt nhân phát triển mới với diện tích khoảng 506ha; là trung tâm hành chính tỉnh, văn hóa, dịch vụ của thành phố; trọng điểm về văn hóa nghệ thuật, khu vui chơi, công viên sinh thái;

- Phân khu 3: Khu vực phát triển đô thị mới với diện tích khoảng 490ha, là khu vực trọng điểm, trung tâm về y tế; là khu vực cửa ngõ phía Nam.

- Phân khu 4: Khu vực phát triển đô thị phía Tây với diện tích khoảng 786ha (trong đó phân khu 4A có chức năng chủ yếu là đất công nghiệp, hạ tầng

kỹ thuật với diện tích khoảng 105ha). Là khu vực phát triển các khu ở mới gắn với các khu thương mại dịch vụ, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực; là khu vực cửa ngõ phía Tây Thành phố.

- Phân khu 5: Khu vực phát triển đô thị mới phía Đông với diện tích khoảng 794ha; định hướng tập trung xây dựng các khu ở mới, các công trình thương mại, dịch vụ kết hợp nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí hiện đại với quy mô lớn; trung tâm công viên, cây xanh thể dục thể thao ven sông Trà Lý; trung tâm văn hóa thể thao cấp thành phố; là khu vực cửa ngõ phía Đông Thành phố.

- Phân khu 6: Khu vực phát triển đô thị mới phía Bắc với diện tích khoảng 440ha; là khu vực với các khu ở mới, trung tâm thể dục thể thao, công viên cây xanh.

- Phân khu 7: Khu vực đô thị ven sông Trà Lý với diện tích khoảng 397ha; là khu vực phát triển, chỉnh trang đô thị với các khu ở kết hợp với thương mại dịch vụ sầm uất, hiện đại, kết nối hài hòa với các trục cảnh quan, không gian đô thị mở ven sông Trà Lý tại khu vực trung tâm Thành phố.

- Phân khu 8: Khu vực phát triển đô thị mới phía Đông Nam Thành phố với diện tích khoảng 555ha; là khu vực phát triển các khu ở mới, thương mại dịch vụ kết hợp chỉnh trang dân cư hiện trạng.

- Phân khu 9: Khu vực phát triển đô thị phía Bắc Thành phố với diện tích khoảng 474ha (*trong đó phân khu chức năng 9A định hướng là đất công nghiệp với diện tích khoảng 13,64ha*). Là khu vực phát triển các khu đô thị, khu dân cư mới, công viên cây xanh và các công trình thương mại dịch vụ; là khu vực cửa ngõ phía Bắc Thành phố.

- Phân khu 10: Khu vực phát triển dân cư (vành đai xanh Đông Thọ) kết hợp chỉnh trang dân cư nông thôn hiện trạng với diện tích khoảng 477ha. Định hướng xây dựng công viên trung tâm cấp thành phố kết hợp phát triển các khu đô thị vườn, sinh thái.

- Phân khu 11: Khu vực đô thị phía Tây Thành phố với diện tích khoảng 305ha; là khu vực định hướng chuyển đổi từ đất công nghiệp sang phát triển các khu ở mới, dịch vụ, thương mại hỗn hợp; trong đó định hướng quy hoạch công viên cây xanh với diện tích khoảng 50ha sau năm 2030; là khu vực cửa ngõ phía Tây Thành phố.

- Phân khu 12: Khu vực đô thị mới phía Tây Nam Thành phố với diện tích khoảng 1.034ha. Là khu vực phát triển các khu ở mới, thương mại dịch vụ, kết hợp với cảnh quan ven sông Kiến Giang.

6.3. Quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng (đến năm 2035):

6.3.1. *Quy hoạch đất dân dụng*: Tổng diện tích khoảng 5.024,57ha, bao gồm các loại đất: Đơn vị ở, hỗn hợp, dịch vụ công cộng đô thị, cơ quan trụ sở cấp đô thị, cây xanh sử dụng công cộng đô thị, giao thông đô thị và hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị.

6.3.2. *Quy hoạch đất ngoài dân dụng*: Tổng diện tích khoảng 1.041,84ha, bao gồm các loại đất: Sản xuất nông nghiệp, trung tâm đào tạo nghiên cứu, cơ quan trụ sở ngoài đô thị, trung tâm y tế, trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, công trình công cộng, dịch vụ, du lịch, cây xanh chuyên dụng, di tích tôn giáo, điểm dân cư nông thôn, an ninh quốc phòng, giao thông đối ngoại và hạ tầng kỹ thuật khác.

6.3.3. *Quy hoạch đất khác*: Tổng diện tích khoảng 761,02ha gồm: Đất dự trữ phát triển diện tích khoảng 421,02ha, đất mặt nước diện tích khoảng 340ha.

6.4. Định hướng phát triển các hệ thống chuyên ngành:

6.4.1. *Đất trụ sở cơ quan, an ninh quốc phòng*:

- Trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh tại phường Hoàng Diệu (gồm: Trụ sở Tỉnh ủy, trụ sở HĐND - UBND tỉnh, trụ sở của các Sở ban ngành, đoàn thể của tỉnh...).

- Trung tâm hành chính - chính trị Thành phố tại phường Trần Hưng Đạo.

- Các công trình hành chính cấp phường, xã.

- Sắp xếp, cải tạo, chỉnh trang các khu vực đất an ninh, quốc phòng.

6.4.2. *Hệ thống giáo dục đào tạo*:

- Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các Trường: Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở, đáp ứng nhu cầu của các khu vực dân cư mới theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Quy hoạch bổ sung các trường Trung học Phổ thông đáp ứng quy mô dân số đô thị trong tương lai.

- Cải tạo, nâng cấp các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; nghiên cứu đầu tư phát triển trung tâm đào tạo để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao... đáp ứng yêu cầu phát triển.

6.4.3. *Hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng*:

Cải tạo, nâng cấp, xây mới các công trình y tế trên địa bàn Thành phố và trong Trung tâm y tế tỉnh tại phường Trần Lãm; chú trọng phát triển dịch vụ y tế chất lượng cao.

6.4.4. *Hệ thống cây xanh (công viên, vườn hoa...)*:

- Phát triển các công viên cây xanh cấp đô thị có quy mô lớn, các khu công viên sinh thái, hệ thống công viên cây xanh cấp đơn vị ở, kết hợp hệ thống cây xanh đường phố và cây xanh thuộc các công trình xây dựng.

- Chú trọng bảo vệ không gian xanh tự nhiên, bố trí hợp lý không gian xanh nhân tạo, tạo thuận lợi cho việc tiếp cận của người dân.

- Các khu vực cây xanh được đầu tư xây dựng hoàn thiện, khai thác triệt để cùng với không gian mặt nước để tạo lập các khu cảnh quan kết hợp với không gian đi bộ, vui chơi giải trí phục vụ người dân.

6.4.5. Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao:

- Quy hoạch xây dựng các công trình văn hóa theo cấp tỉnh, thành phố, khu vực đảm bảo quy định của đô thị loại I; làm tiền đề phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, kết hợp phát huy các giá trị, bản sắc truyền thống, nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ văn hóa, nghệ thuật.

- Hình thành trung tâm văn hóa đa năng (tại các công viên lớn gần khu vực quy hoạch Trung tâm Hành chính tỉnh tại phường Hoàng Diệu) gắn với các hệ thống quảng trường kèm theo các công trình dịch vụ.

- Bố trí trung tâm thể dục thể thao và sân vận động cấp tỉnh (tại khu vực xã Đông Hòa) đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Hoàn chỉnh mạng lưới công trình văn hóa cấp đô thị, cấp khu vực và cấp đơn vị ở tại các khu đô thị, khu dân cư nông thôn; cải tạo, chỉnh trang các trung tâm văn hóa hiện hữu.

6.4.6. Hệ thống thương mại dịch vụ và du lịch:

- Hình thành các trung tâm thương mại tổng hợp, trung tâm dịch vụ tổng hợp, trung tâm dịch vụ du lịch, du lịch sinh thái, cơ sở lưu trú chất lượng cao, các trung tâm hội nghị hiện đại có giá trị về kiến trúc cảnh quan, đủ điều kiện tổ chức các hội nghị, hội thảo, hội chợ cấp vùng, cấp quốc gia.

- Cải tạo nâng cấp, phát triển các công trình thương mại dịch vụ cấp thành phố, cấp phường xã hiện hữu.

6.4.7. Định hướng bảo tồn di sản văn hóa, lịch sử và thiên nhiên:

- Các công trình di tích (lịch sử, văn hóa; tôn giáo, tín ngưỡng) được khoanh vùng bảo vệ và quản lý theo quy định.

- Cải tạo và quy hoạch khu vực bãi sông Trà Lý tạo không gian xanh, hài hòa với thiên nhiên.

7. Thiết kế đô thị:

7.1. Nguyên tắc chung:

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng khung đô thị, kiến trúc cảnh quan đô thị hiện đại và là một trong những đô thị quan trọng của vùng.

- Không gian các tuyến sông, kênh với tầm nhìn tối ưu theo hướng xanh, hiện đại kết hợp cải thiện vi khí hậu và hỗ trợ tiêu thoát nước.

- Không gian khu vực ngoại thành hài hòa với cảnh quan chung toàn đô thị, giữ gìn bản sắc và kiến trúc truyền thống.

7.2. Các vị trí cửa ngõ đô thị: Xác định theo phương án quy hoạch 05 vị trí cửa ngõ đô thị, gồm:

- Cửa ngõ phía Bắc từ Quốc lộ 10 tại xã Đông Mỹ: Bố trí không gian, kiến trúc cảnh quan phù hợp tại khu vực này.

- Cửa ngõ phía Tây từ quốc lộ 10 (*nút giao Phúc Khánh*): Bố trí tượng đài ở đảo trung tâm nút giao vòng xuyên.

- Cửa ngõ phía Tây Bắc từ đường tỉnh ĐT.454 tại xã Tân Bình: Bố trí bến xe phía Tây kết hợp công trình thương mại với kiến trúc có tính đặc trưng, hiện đại tại khu vực nút giao với tuyến tránh S1.

- Cửa ngõ phía Nam từ đường tỉnh ĐT.454 tại xã Vũ Chính: Quy hoạch công viên chủ đề tại khu vực nút giao với đường vành đai phía Nam Thành phố.

- Cửa ngõ phía Đông Bắc từ đường quy hoạch kết nối với Khu kinh tế Thái Bình (*đường tỉnh ĐT.464*): Bố trí công trình thương mại, nhà ở cao tầng tại khu vực nút giao với đường vành đai phía Nam Thành phố.

7.3. Xây dựng các công trình điểm nhấn ven sông và các trục đường giao thông kết hợp với các khu vực cảnh quan trọng điểm: Trục đô thị hiện hữu, trục sông Trà Lý, sông Kiến Giang...

- Khai thác triệt để lợi thế cảnh quan hai bên sông Trà Lý, triển khai đồng bộ mở rộng không gian đô thị khu vực ven sông Trà Lý và đường Hai Bà Trưng, xây dựng tâm điểm sông Trà Lý trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, điểm nhấn văn hóa của tỉnh và khu vực.

- Bảo tồn các công trình lịch sử, văn hóa. Quy hoạch hài hòa các tuyến phố, kết nối thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí kết hợp đi bộ và các tiện ích công cộng khác. Kết cấu xây dựng hạ tầng cơ sở bảo đảm đồng bộ, hiện đại theo hướng đô thị xanh, thông minh, hiện đại.

7.4. Các khu vực có ý nghĩa quan trọng: Khu vực trung tâm hành chính, chính trị tỉnh; khu vực ven sông Trà Lý; khu vực quảng trường Bác Hồ với nông dân Thái Bình, các khu vực cửa ngõ và tại các vị trí được xác định là quan trọng khác.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị:

8.1. Giao thông đô thị:

8.1.1. Giao thông đường bộ:

Tuyến tránh S1 Quốc lộ 10 (mặt cắt 1-1, hướng Đông Bắc - Tây Nam) và đường vành đai phía Nam Thành phố (mặt cắt 2-2, hướng Bắc - Nam) là đường trục chính đô thị, có chức năng liên kết các tuyến giao thông đối ngoại với giao thông đô thị, kết nối với các huyện Vũ Thư, Kiến Xương, Đông Hưng...

Các tuyến đường chính đô thị, đường liên khu vực,... được quy hoạch đảm bảo yêu cầu: Mật độ đường, khoảng cách giữa hai đường, bề rộng đường, vỉa hè tuân thủ quy định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng, QCVN 07-4:2016/BXD về công trình giao thông và các quy định khác có liên quan.

8.1.2. *Giao thông đường sắt*: Tuyến đường sắt Hải Phòng - Nam Định đi qua phía Tây Bắc Thành phố, tạo điều kiện cho sự lưu thông hàng hóa bằng vận tải đường sắt, thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

8.1.3. *Giao thông đường thủy*: Cải tạo tuyến đường thủy trên sông Trà Lý theo quy hoạch ngành giao thông vận tải.

8.1.4. *Các công trình giao thông khác*:

- Xây dựng các bãi đỗ xe, điểm dừng đỗ và trung chuyển giao thông công cộng theo quy hoạch.

- Bãi đỗ xe, điểm đỗ taxi và vận tải hành khách công cộng được xây dựng tại những nơi đông dân cư, trong đô thị, khu vực chợ. Bãi đỗ xe có thể kết hợp giữa việc trông giữ xe với việc xây dựng nhà bảo dưỡng sửa chữa ô tô, nhà nghỉ cho lái xe, thương mại dịch vụ... Ngoài các bãi đỗ xe tập trung, khi lập dự án quy hoạch xây dựng các công trình nhà công sở, khu thương mại, dịch vụ, khách sạn, nhà hàng, sân vận động, khu vui chơi giải trí... cần bố trí diện tích bãi đỗ xe theo quy định, đáp ứng nhu cầu sử dụng để tạo điều kiện tổ chức đỗ đậu xe, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và cảnh quan đô thị. Trong giai đoạn trước mắt tập trung cải tạo, nâng cấp, xây dựng các bãi đỗ xe trong khu vực nội thành.

- Cải tạo và xây dựng mới các bến xe đầu mối giao thông của Thành phố: Bến xe trung tâm Thành phố, các bến xe tại các cửa ngõ thuộc các xã Tân Bình, Vũ Chính, Vũ Đông.

- Xây dựng và hoàn thiện các cầu qua sông Trà Lý, Kiến Giang...

- Xây mới, nâng cấp cải tạo theo quy hoạch hệ thống bến, cảng đường thủy ven sông Trà Lý, cảng cạn ICD...

- Xây mới ga Thái Bình theo quy hoạch phía Tây Bắc Thành phố, kết nối với bến xe khách bằng đường tỉnh ĐT.454.

8.2. Cao độ nền và thoát nước mặt đô thị:

8.2.1. *Cao độ nền*:

- Nguyên tắc chung: Đảm bảo kết nối đồng bộ khu vực phát triển đô thị và khu vực đô thị hiện hữu, không để xảy ra ngập úng cục bộ vào mùa mưa lũ, đồng thời có các giải pháp phòng chống và bảo vệ nền đất.

- Định hướng:

+ Khu vực Thành phố hiện nay được bảo vệ bởi đê sông Trà Lý, nằm trong hệ thống sông Hồng và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tuyến sông chính trên, do vậy cần có sự nghiên cứu và phương án riêng đối với đê sông Trà Lý để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị.

+ Khi nghiên cứu cần đảm bảo phòng chống lũ và ngập cho thành phố Thái Bình, có tính toán đến biến đổi khí hậu theo các kịch bản, đảm bảo an toàn và phát triển bền vững.

+ Đối với các tuyến sông, mương tiêu hiện có được kiến nghị giữ lại hoặc cải tạo, nâng cấp mở rộng đảm bảo khả năng tiêu thoát, bổ sung một số hồ điều hòa để cải thiện khả năng thoát nước và giảm ngập úng cho các khu vực trũng thấp hiện có.

+ Nâng cấp cải tạo các trạm bơm hiện có để hỗ trợ thoát nước.

- Cốt san nền: Công tác chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng theo nguyên tắc bám sát địa hình tự nhiên, tránh đào đắp lớn, phù hợp với các lưu vực thoát nước mưa; độ dốc tối thiểu 0,1%; cụ thể:

+ Khu vực nội thị (*trung tâm*), hướng dốc san nền về kênh Kiến Giang, kênh 3/2, kênh Bồ Xuyên, kênh Vĩnh Trà, kênh Đoan Túc, kênh Bạch. Cao độ nền không chế: +2,1m đến +2,5m.

+ Khu vực thuộc phường Hoàng Diệu, Đông Thọ, Đông Hòa, Đông Mỹ (*phía Đông Bắc*): Hướng dốc san nền về kênh Sa Lung và các kênh mương thủy lợi hiện có trong khu vực. Cao độ nền không chế: +2,0m đến +2,5m.

+ Khu vực thuộc xã Vũ Đông, Vũ Lạc (*phía Đông*): Hướng dốc san nền về kênh Vũ Đông, kênh T2 Đông Tây Sơn, kênh Cống Đậu, kênh Kim và kênh Vua Rộc. Cao độ nền không chế: $\geq +2,0\text{m}$.

+ Khu vực thuộc xã Vũ Chính, Vũ Phúc (*phía Tây Nam*): Hướng dốc san nền về kênh Kiến Giang. Cao độ nền không chế: +2,0m đến +2,1m.

+ Khu vực thuộc xã Phú Xuân, Tân Bình (*phía Tây Bắc*): Hướng dốc san nền về kênh Đoan Túc, kênh Bạch. Cao độ nền không chế: +2,1m đến +2,3m.

Đối với các khu đã xây dựng thuộc các khu vực trên, tùy từng điều kiện cụ thể, có thể điều chỉnh cục bộ cốt không chế nhưng phải đảm bảo các yêu cầu thoát nước chung toàn đô thị.

8.2.2. Thoát nước mặt:

- Đảm bảo tận dụng tối đa các tuyến kênh, mương, sông tiêu hiện có, dành đất để mở rộng kênh thoát nước tại khu vực đô thị, cải tạo nâng cấp các trạm bơm thoát nước hiện có. Vào mùa mưa, mực nước sông Trà Lý và các sông chảy qua thành phố khác sẽ dâng cao nên kết hợp sử dụng các trạm bơm thoát nước động lực để bơm tiêu ra sông Trà Lý.

- Đối với khu vực đô thị hiện hữu sử dụng hệ thống thoát nước chung kết hợp hệ thống thoát nước riêng: Từng bước đầu tư xây dựng thành hai hệ thống riêng biệt (*hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải*) để thu gom và xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường.

- Đối với khu vực đô thị mới, khu vực phát triển đô thị: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa kết nối đồng bộ với hệ thống thoát nước mưa khu vực đô thị hiện hữu để nâng cao năng lực thoát nước đô thị, chống ngập úng cục bộ vào mùa mưa lũ.

- Đối với khu vực ngoại thành: Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước chung, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước vào mùa mưa lũ.

- Xây dựng hợp lý các loại cống theo tính toán: Dùng cống bê tông cốt thép kết hợp mương xây, riêng đối với khu vực có lưu lượng thoát nước lớn (*như đoạn cống cuối ra cửa xả*) sử dụng cống hộp bê tông cốt thép; tính toán các

tuyến cống thu gom thoát nước với chiều dài ngắn nhất, các tuyến kênh và cửa xả của công trình thoát nước mưa phải bố trí cửa phai.

- Cải tạo, nâng cấp xây dựng các cống tiêu nối các tuyến sông hiện có với sông Trà Lý.

- Khu vực nông thôn sử dụng hệ thống rãnh xây đập nắp đan hoặc cống tròn để thu gom và tiêu thoát ra hệ thống kênh mương thủy lợi hiện có.

- Phân chia thành phố thành 05 lưu vực tiêu thoát nước:

- + Lưu vực 1: Diện tích khoảng 994ha, ranh giới phía Tây giáp đê sông Trà Lý, phía Đông và phía Nam giáp đường Long Hưng và QL10, nước mưa của các khu vực này được thoát các kênh mương thủy lợi hiện có trong khu vực. Khi nước các tuyến sông lên cao mùa mưa lũ, sử dụng các trạm bơm tiêu Hiệp Trung, trạm bơm Bồ Xuyên thoát động lực ra sông Trà Lý.

- + Lưu vực 2: Diện tích khoảng 717ha, ranh giới phía Đông giáp đê sông Trà Lý, phía Tây giáp đường Long Hưng và QL10, nước mưa của các khu vực này được thoát ra các tuyến kênh mương hiện có và quy hoạch mới, sau đó thoát ra kênh Sa Lung, Chóp Chài. Khi nước các tuyến sông lên cao mùa mưa lũ, sử dụng các trạm bơm Xóm Đèn, trạm bơm Sa Lung thoát động lực ra sông Trà Lý.

- + Lưu vực 3: Diện tích khoảng 1.520ha, có ranh giới phía Tây Bắc giáp sông Trà Lý, phía Tây Nam giáp kênh Cống Đậu; nước mưa của các khu vực này được thu gom vào hệ thống cống dọc đường sau đó thoát ra kênh Cống Đậu, kênh Kim, kênh Đông Tây Sơn, các sông này chủ yếu thoát tự chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Khi nước các tuyến sông lên cao mùa mưa lũ, sử dụng các trạm bơm tiêu Đông Tây Sơn và trạm bơm Vũ Đông để thoát động lực ra sông Trà Lý.

- + Lưu vực 4: Diện tích khoảng 1.640ha, có ranh giới phía Bắc giáp đường Trần Thái Tông, phía Đông giáp sông Trà Lý và sông Cống Đậu, phía Nam và Tây giáp huyện Vũ Thư. Nước mưa của các khu vực này thoát ra kênh Bồ Xuyên, kênh 3-2, kênh Vĩnh Trà, kênh Cống Đậu về kênh Kiến Giang.

- + Lưu vực 5: Diện tích khoảng 1.605ha, ranh giới phía Đông giáp sông Trà Lý, phía Nam giáp đường Trần Thái Tông, phía Tây và Bắc giáp huyện Vũ Thư. Nước mưa của các khu vực này được thoát ra kênh Bạch, kênh Đoan Túc và các kênh mương hiện có rồi thoát ra sông Kiến Giang, một phần thoát động lực ra sông Trà Lý.

8.3. Cấp nước đô thị:

- Chỉ tiêu cấp nước: Theo tiêu chuẩn đô thị loại I, tỷ lệ cấp nước trên địa bàn thành phố đạt 100%.

- Nguồn nước mặt: Được lấy từ các sông Trà Lý và sông Kiến Giang.

- Nhà máy cấp nước:

- + Nâng cấp công suất cho 05 nhà máy cấp nước hiện trạng.

+ Xây mới 01 nhà máy cấp nước thuộc xã Đông Thọ.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Căn cứ vào mạng lưới cấp nước hiện có và Quy hoạch cấp nước Thành phố, bổ sung và điều chỉnh để đảm bảo nhu cầu cấp nước của Thành phố loại I. Hoàn thiện mạng lưới tuyến ống truyền dẫn và phân phối chính, đảm bảo cấp nước tới tất cả khu vực. Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng. Mạng lưới cấp nước chứa cháy được thiết kế chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt, hòng cứu hỏa sẽ được đặt trên hệ thống đường ống truyền dẫn và đường ống cấp nước chính, gần các nút giao thông, khoảng cách giữa các hòng cứu hỏa tối đa là 150m.

8.4. Thoát nước thải đô thị:

- Chỉ tiêu thoát nước thải: Bằng 80% tỷ lệ cấp nước.

- Các Trạm xử lý nước thải tập trung (tổng là 08 Trạm), bao gồm: 04 Trạm ký hiệu từ TXL1 đến TXL4 tại phường Trần Lãm và các xã Vũ Chính, Vũ Đông và Đông Hòa, 01 Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt hiện có, 03 Trạm tại 03 Khu công nghiệp: Phúc Khánh, Nguyễn Đức Cảnh, TBS Sông Trà.

- Các đường ống dẫn nước thải bố trí theo nguyên tắc tự chảy, trường hợp không thể tự chảy phải sử dụng các trạm bơm.

- Nâng cấp, cải tạo các tuyến cống thoát nước thải hiện có để đảm bảo yêu cầu thoát nước cho khu vực đô thị hiện hữu. Đầu tư xây dựng mới hệ thống mạng lưới cống thoát nước thải mới tại các khu vực phát triển đô thị, đảm bảo đồng bộ với hệ thống thu gom nước thải hiện có, nâng cao năng lực thu gom nước thải đô thị, đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường.

8.5. Cấp điện và chiếu sáng đô thị:

8.5.1. Cấp điện đô thị

- Chỉ tiêu cấp điện: Theo tiêu chuẩn đô thị loại I, đáp ứng 100% lượng điện tới các hộ tiêu thụ.

- Nguồn điện: Lấy từ 02 Trạm biến áp 110KV hiện có. Đồng thời xây mới thêm 02 Trạm.

- Lưới điện cao áp: Sử dụng lưới điện 110KV hiện có và nối thêm vào trạm 110KV mới. Lưới điện 110KV đoạn đi qua khu vực trung tâm Thành phố đi ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường, đảm bảo kiến trúc cảnh quan đô thị.

- Lưới điện trung áp: Hiện tại sử dụng lưới điện áp 35kV, 10kV dự kiến sẽ được cải tạo, nâng cấp thành lưới 22kV để thống nhất cấp điện áp. Lưới điện trung thế được thiết kế đi ngầm trên vỉa hè và lòng đường.

8.5.2. Chiếu sáng đô thị:

- Nguồn điện cấp phục vụ chiếu sáng đô thị được lấy từ các trạm biến áp đặt tại các khu cây xanh sử dụng công cộng và các khu chức năng trong đô thị.

- Các tuyến đường có bề rộng lòng đường $\geq 10,5\text{m}$ bố trí cột điện chiếu sáng hai bên, các tuyến đường có bề rộng lòng đường $< 10,5\text{m}$ bố trí cột điện

chiếu sáng một bên, các tuyến đường có giải phân cách giữa có thể bố trí hai bên hoặc giữa giải phân cách, khoảng cách giữa các cột là 30 - 40m.

8.6. Thông tin liên lạc:

- Phát triển hạ tầng viễn thông theo hướng tăng cường sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật. Ưu tiên sử dụng các loại cột ăng ten có tính thẩm mỹ tại các khu vực cần có yêu cầu cao về mỹ quan đô thị, khuyến khích việc xây dựng cột thu phát sóng thông tin di động dạng nguy trang phù hợp với cảnh quan môi trường tại các khu vực đất công cộng, đất cây xanh, đất hạ tầng kỹ thuật.

- Hệ thống thông tin liên lạc từ mạng lưới cáp Thành phố (*máy chủ tại Bưu điện Thái Bình*) truyền về các trạm vệ tinh và bưu điện của các phường, xã.

- Ngầm hóa đồng bộ hạ tầng mạng cáp ngoại vi sử dụng chung hào kỹ thuật với đường cấp điện, cấp nước đảm bảo tuân thủ các quy định.

- Tại các khu đất thương mại, công trình công cộng, lắp đặt hệ thống cáp viễn thông, điểm truy nhập trong tòa nhà; bố trí mặt bằng để doanh nghiệp viễn thông lắp đặt cột ăng ten trên nóc tòa nhà, lắp đặt thiết bị thu phát sóng trong tòa nhà; bố trí địa điểm để lắp đặt thùng thư công cộng.

8.7. Nghĩa trang và xử lý chất thải rắn:

8.7.1. *Nghĩa trang*: Các khu nghĩa trang tập trung hiện có được khoanh vùng, mở rộng, cải tạo, bổ sung dải cây xanh cách ly theo quy định, từng bước sẽ tiến tới chỉ phục vụ cất táng đến khi lấp đầy. Một số khu vực nghĩa trang nhỏ lẻ sẽ di chuyển về nghĩa trang tập trung. Về lâu dài, việc an táng của nhân dân thành phố được định hướng tại các nghĩa trang cấp vùng tỉnh được quy hoạch xây dựng theo quy hoạch tỉnh.

8.7.2. *Xử lý chất thải rắn*: Rác thải của Thành phố được thu gom, vận chuyển về Nhà máy xử lý rác thải dự kiến tại huyện Đông Hưng để xử lý, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

Đánh giá và dự báo các diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch với các tiêu cực do việc phát triển đô thị; định hướng các giải pháp bảo vệ môi trường: Quản lý các hoạt động xả thải ra nguồn tiếp nhận, đặc biệt là môi trường nước mặt (sông, hồ...); quy hoạch hệ thống cây xanh, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo giảm mức rủi ro; đề xuất giải pháp kỹ thuật, công nghệ xử lý nước thải triệt để đạt quy chuẩn, phát triển hệ thống cây xanh giảm ồn, bụi và các giải pháp trong quản lý, bảo vệ, quan trắc, giám sát về môi trường.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Đến năm 2025: Khu vực đô thị ven sông Trà Lý (phía Nam, về trung tâm Thành phố), khu vực ven QL.10 (phía Bắc sông Trà Lý), các khu vực cửa ngõ Thành phố, các tuyến giao thông đối ngoại kết nối với thành phố Hải Phòng, khu kinh tế Thái Bình...

- Đến năm 2035: Khu vực phía Bắc sông Trà Lý, các tuyến đường cấp đô thị, cầu qua sông Trà Lý để khai thác hiệu quả tuyến trục cảnh quan hai bên sông Trà Lý và các công trình hạ tầng đô thị...

Điều 2. Nội dung chi tiết quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành kèm theo.

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về thông tin và tính chính xác của các tài liệu, số liệu trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt.

Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm: Phối hợp, chỉ đạo đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ, bản vẽ quy hoạch theo các nội dung được phê duyệt để Sở Xây dựng xác nhận làm căn cứ triển khai thực hiện và lưu trữ hồ sơ theo quy định; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường, xã thuộc thành phố Thái Bình công bố công khai quy hoạch theo quy định của pháp luật. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo quy định. Lập Kế hoạch thực hiện quy hoạch và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành làm cơ sở đề xuất thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 28/11/2011 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình đến năm 2030.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền Thông; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã thuộc thành phố Thái Bình; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. Quet

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CTXDGT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận